

Phân tích kinh tế chính trị học nền kinh tế thị trường TBCN hiện đại: các đặc trưng và xu hướng vận động chủ yếu

(Tiếp theo và hết)

NGUYỄN VĂN MINH
HOÀNG XUÂN NGHĨA

4. Mâu thuẫn, khủng hoảng và sự tự phủ định của CNTB toàn cầu

Không thể phủ nhận rằng, CNTB hiện đại có những bước tiến vượt bậc trên tất cả các mặt LLSX và QHSX theo hướng xã hội hóa, cải tạo dân chủ các quá trình kinh tế, đặc biệt, nhờ lợi dụng toàn cầu hóa, sự can thiệp nhà nước vào chu trình kinh tế và những thành tựu của cuộc cách mạng KHCN mới, CNTB không chỉ kéo dài sự tồn tại của mình, mà trong những chùng mực đáng kể, còn tiếp tục phát triển và được tiếp thêm sức sống mới. Điều này khiến cho có những nghi ngờ luận điểm Macxit về sự tất yếu diệt vong của CNTB và sự thay thế nó bằng hình thái xã hội cao hơn - xã hội cộng sản. Nhất là từ khi CNXH hiện thực bị sụp đổ ở Liên Xô và Đông Âu, người ta đặt câu hỏi: phải chăng CNTB đã loại bỏ được các mâu thuẫn và sẽ duy trì sự tồn tại vĩnh viễn của nó như một thứ *định mệnh - tự nhiên*?

Dưới dạng tổng quát, luận điểm nổi tiếng về sự tất yếu diệt vong và mâu thuẫn chủ yếu của CNTB được các nhà kinh điển nêu lên: do động cơ tìm kiếm lợi nhuận sẽ thúc đẩy CNTB không ngừng cải tiến công nghệ, hiện đại hóa và mở rộng sản xuất, nhưng điều này dẫn tới làm sâu sắc thêm mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hóa sản xuất với hình thức chiếm hữu tư nhân TBCN. C.Mác viết: "Sự tập trung TLSX và xã hội hóa lao động đạt tới cái điểm mà chúng không còn thích hợp trong cái vỏ TBCN của chúng được nữa (...) nên sản xuất TBCN lại để ra sự phủ định bản thân nó, với tính tất yếu của một quá trình tự nhiên"⁸ Có những khía cạnh khoa học cần

được hiểu đúng để không tầm thường hóa học thuyết C.Mác:

Thứ nhất, sự phủ định CNTB là một quá trình "tất yếu tự nhiên" được hiểu do những quy luật vận động nội tại và những điều kiện bên trong của chính hệ thống quy định, tức sự tự phủ định. Không có sức mạnh bên ngoài nào có thể thay thế cho chính sự phát triển những mâu thuẫn bên trong sẽ đưa tới phá vỡ hệ thống. Suy rộng ra, sự diệt vong này là nằm ngoài ý muốn của CNTB cũng như không phụ thuộc vào việc CNXH hiện thực sụp đổ.

Thứ hai, về quá trình phủ định và thời điểm diễn ra, đương nhiên sẽ không giống như cái chết sinh học, mà *theo con đường phát triển tiến hóa hay quá độ lịch sử từ hệ thống kinh tế cũ sang hệ thống kinh tế mới*⁹. Đây không phải là sự thủ tiêu CNTB tức thời mà là sự phủ định biện chứng, có tính kế thừa và phát triển sự vật lên một trình độ mới cao hơn về chất, tức gắn liền với sự ra đời và phát triển của hệ thống kinh tế mới. Như vậy, mấu chốt không phải là xác định thời điểm cụ thể về sự "giã chết" của CNTB mà là cần phân tích thực chất mâu thuẫn và sự vận động của CNTB đang đi theo xu hướng nào, do đó, xác định xem CNTB đã bước vào thời kỳ quá độ hay chưa?

Nguyễn Văn Minh, TS. Trường đại học Thương mại Hà Nội; Hoàng Xuân Nghĩa, TS. Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội.

8. C.Mác - Ph.Ăngghen. Tuyển tập, T2, Nxb Sự thật, H, 1982, tr.594.

9. Hoàng Xuân Nghĩa. Nền kinh tế quá độ. Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, tháng 1&2 - 1999.

Thứ ba, cuối cùng, cần phân tích khoa học mâu thuẫn chủ yếu của CNTB hiện đại. Mâu thuẫn với tư cách là mâu thuẫn cơ bản, phản ánh bản chất và xu hướng vận động của sự vật, sẽ tồn tại và chỉ có thể chuyển hóa kéo theo thay đổi sự vật. CNTB ngay từ khi ra đời đã bị khuôn định bởi quy luật chiếm đoạt giá trị thặng dư. Quy luật này, một mặt, kích thích tiến bộ của sản xuất và công nghệ, mặt khác, đưa CNTB tới mâu thuẫn không phương cứu vãn. Mâu thuẫn của CNTB trong điều kiện mới có những biểu hiện sâu sắc hơn bao giờ hết:

Trước hết, đó là mâu thuẫn giữa tiềm lực KHCN to lớn và khả năng sản xuất hàng hóa TBCN dường như vô hạn đối lập với sự hữu hạn của thị trường. Nguyên nhân là ở chỗ, nền sản xuất hàng hóa TBCN ngày nay biểu hiện ra như là nền sản xuất xã hội hóa, hùng mạnh và hàng loạt hơn, giả định một thị trường tiêu thụ với sức mua hàng loạt lớn, tức nền sản xuất thuộc về mọi người và cho tất cả mọi người, nhưng lại vận hành trong những giới hạn không gian vật chất chật hẹp: nhằm thoả mãn yêu cầu sinh ra lợi nhuận cao cho tư bản, do đó, vấp phải sự hữu hạn của thị trường và sức mua luôn thấp hơn dưới mức sản lượng tiềm năng.

Biểu hiện khác của mâu thuẫn là cùng với đà phát triển mạnh mẽ của sản xuất và sự giàu có TBCN thì ngày càng khoét sâu bất bình đẳng thái quá về thu nhập và mức sống giữa các tầng lớp xã hội, dân cư và các quốc gia, khu vực. Mặc dù CNTB đã trích một phần lợi nhuận để phân phối lại cho xã hội nhằm hạn chế bất bình đẳng, thực hiện chuyển một phần sở hữu cho người lao động và đưa ra cái gọi là "chủ nghĩa tư bản nhân dân"...nhằm xoa dịu mâu thuẫn. Nhưng thực tế lại chứng minh là bất bình đẳng và mâu thuẫn xã hội vẫn tăng tiến theo thời gian dường như không phương giải quyết. Đây là nghịch lý của phát triển theo kiểu TBCN hay còn gọi: *phản phát triển*¹⁰.

Bức tranh của CNTB trong những thập niên cuối thế kỷ XX vẫn không mấy sáng sủa: quá trình chuyển sở hữu cho người lao

động cũng mới chỉ chiếm tỷ lệ khiêm tốn, khoảng 10% trong cơ cấu sở hữu của xã hội tư sản. Trong phạm vi một nước, ví dụ vào năm 1996 tại Mỹ, thu nhập của 20% dân cư thuộc nhóm nghèo chỉ chiếm 4,2% trong tổng thu nhập toàn xã hội, còn thu nhập của 20% dân cư thuộc nhóm giàu chiếm tới 46,8% tổng thu nhập; các nước OECD có mức tăng cao về bất bình đẳng kể từ sau những năm 1980, đặc biệt là Thụy Điển, Vương quốc Anh và Mỹ, các nước Đông Âu và SNG đạt mức tăng cao nhất từ trước tới nay về hệ số Gini^{*}. Bất bình đẳng giữa các nước giàu và nước nghèo cũng gia tăng: khoảng cách thu nhập của 1/5 dân số sống ở các nước giàu nhất và 1/5 dân số sống ở các nước nghèo nhất tăng lên tới 74:1 (1997), so với 60:1 (1990) và 30:1 (1960). Sự phân phối lợi ích và cơ hội giữa các nước cũng ngày càng chênh lệch lớn hơn: vào cuối những năm 1990, 1/5 dân số sống trong các nước giàu nhất chiếm tới 86% GDP thế giới, 82% thị trường xuất khẩu và 68% đầu tư trực tiếp nước ngoài của thế giới (so với 1/5 dân số nghèo nhất chỉ chiếm 1% GDP, 1% thị trường xuất khẩu và 1% dòng FDI). Tài sản dòng của 200 người giàu nhất thế giới tăng lên hơn 1000 tỷ USD (1998), tài sản của 3 tỷ phú hàng đầu nhiều hơn tổng GNP của các nước kém phát triển với 600 triệu dân. Làn sóng sáp nhập và thâu tóm đang tập trung thế lực vào những tập đoàn siêu lớn, có nguy cơ làm xói mòn và giết chết cạnh tranh. Vào năm 1998, 10 công ty sản xuất thuốc trừ sâu kiểm soát 85% thị trường thuốc trừ sâu toàn cầu (31 tỷ USD). 10 công ty hàng đầu về viễn thông kiểm soát 86% thị trường viễn thông toàn cầu (262 tỷ USD). Gần đây, những vụ sáp nhập giữa các tập đoàn năng lượng Mỹ, giữa các ngân hàng Nhật Bản khổng lồ cũng là những ví dụ tương tự¹¹.

10. Richard Bergeron. *Phản phát triển - cái giá của chủ nghĩa tự do*. Nxb CTQG, H, 1995.

* Chỉ số đo chênh lệch mức sống.

11. Báo cáo *Phát triển con người*. Chương trình phát triển của Liên hợp quốc. Nxb CTQG, H, 1999, tr.2-4.

Thực tiễn và lý luận cũng chứng minh rằng giới chủ không thể duy trì và phát triển mãi mãi một nền kinh tế có khả năng sinh lợi nhuận cao cho tư bản. Bởi sản xuất hàng hóa TBCN vẫn nằm trong giới hạn của một không gian vật chất nhất định – không gian toàn cầu. Nếu chúng ta biết rằng lịch sử phát triển của PTSX TBCN là lịch sử chinh phục và mở rộng không gian - thị trường: từ thị trường tiểu vùng - địa phương, đến quốc gia – dân tộc và thị trường khu vực - toàn cầu. Nó cho thấy khả năng dường như vô hạn, nhưng cũng rất hữu hạn của CNTB. Rốt cuộc, giới hạn thị trường toàn cầu này quy định chính giới hạn của lợi nhuận tư bản và cũng có nghĩa quy định giới hạn của công cụ điều tiết, kiểm chế mâu thuẫn cơ bản. Nhưng một khi giới hạn cơ hẹp hay ngược lại, mở rộng ra trùng với nền kinh tế TBCN toàn cầu - tức không còn khả năng mở rộng không gian vật chất để phát triển sản xuất có lợi nhuận cao, thì mâu thuẫn sẽ nổi lên gay gắt¹².

Như vậy, có thể hình dung mâu thuẫn giết chết CNTB là mâu thuẫn "kép - và nhiều thang bậc": mâu thuẫn cơ bản - mâu thuẫn giữa tính chất xã hội của sản xuất với sự chiếm hữu tư nhân TBCN; mâu thuẫn phái sinh - mâu thuẫn giữa khả năng sản xuất vô hạn với không gian vật chất hữu hạn của thị trường TBCN và mâu thuẫn giữa tăng trưởng với ngày càng khoét sâu bất bình đẳng xã hội. Trong đó, mâu thuẫn cơ bản là căn nguyên, mâu thuẫn phái sinh là biểu hiện và làm sâu sắc thêm mâu thuẫn cơ bản. Để duy trì mâu thuẫn không gây bùng nổ xã hội và phá vỡ hệ thống, đòi hỏi CNTB phải, một mặt, tìm ra những hình thức mới cho sự vận động của mâu thuẫn và làm dịu các mặt mâu thuẫn cơ bản như cải cách các quan hệ kinh tế TBCN nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của các LLSX xã hội hóa (như đã nói trên kia); mặt khác, phải kiểm soát được các mâu thuẫn phái sinh. Vấn đề sau được giải quyết bằng nhiều cách: hoặc kiểm soát hệ thống sản xuất và phân phối TBCN, hoặc mở rộng không gian vật chất, hoặc bằng cả hai cách song song.

Quan sát sự vận động của mâu thuẫn phái sinh, chúng ta thấy rằng những diễn biến từ cuộc khủng hoảng chu kỳ đầu tiên của CNTB vào năm 1873 cho tới cuộc "Đại khủng hoảng và suy thoái" những năm 1929-1933 thể hiện sự phát triển tăng lên tính nan giải của giới hạn không gian - thị trường TBCN. Việc hệ thống thuộc địa cũ bị sụp đổ sau Thế chiến lần thứ II một lần nữa làm cơ hẹp đột ngột không gian này. Những cuộc chiến tranh giữa các cường quốc - đế quốc liên tiếp xảy ra cũng chính là nhằm giải quyết mâu thuẫn về không gian - thị trường cho CNTB. Nhưng căn nguyên lại là ở chỗ: trình độ xã hội hóa và toàn cầu hóa TBCN ngày càng cao dẫn tới sự cần thiết điều chỉnh nhà nước đối với nền kinh tế. Trong khi đó, do bản chất cố hữu của sở hữu tư nhân và động cơ khát tìm lợi nhuận vô độ càng làm phát triển cạnh tranh và khủng hoảng trầm trọng. Đó là các cuộc *cạnh tranh - chiến tranh về kinh tế - thương mại, tiền tệ, sắt thép, ô tô, máy bay, đặc biệt là cuộc chiến tranh dầu mỏ ở vùng Vịnh hiện nay**

Lưu ý một hiện tượng nổi bật: sự phát triển cạnh tranh tự do đã tất yếu dẫn tới độc quyền và hình thành các tập đoàn tư bản hùng mạnh, các tập đoàn siêu quốc gia. Điều đó cũng có nghĩa rằng không gian - thị trường của tư bản được mở rộng ra toàn cầu. Nó, một mặt, làm dịu mâu thuẫn của CNTB, mặt khác, càng làm cho CNTB trở nên

12. Đỗ Lộc Diệp (chủ biên). Chủ nghĩa tư bản ngày nay: mâu thuẫn nội tại, xu thế và triển vọng. Nxb KHXH, H, 2003.

* Trái với sự gán ghép có chủ ý nguyên nhân xung đột cho CNXH, kể từ sau khi chiến tranh lạnh kết thúc, các cuộc chiến tranh nóng khu vực và sắc tộc càng bùng phát không thể kiểm chế được. Thực chất đây là chiến tranh đế quốc TBCN giành giật phạm vi ảnh hưởng về không gian - thị trường và kiểm soát các nguồn tài nguyên - năng lượng hữu hạn trên hành tinh, nhằm đáp ứng dạ dày khổng lồ của tổ hợp công nghiệp - quân sự các tập đoàn tư bản tài phiệt siêu quốc gia, là chiến tranh bảo vệ lợi nhuận cao của tư bản khi có nguy cơ bị đe dọa. Điều này một lần nữa khẳng định kết luận của V.I.Lênin về bản chất hám lợi nhuận và cường quyền xâm lược của CNTB.

hùng mạnh và đưa hệ thống nhanh chóng đến chỗ tới hạn. Do đó, các biện pháp chống độc quyền gắt gao cũng được nhà nước TBCN sử dụng nhằm hạn chế và kiểm soát quá trình này. Nhưng cũng không thể phủ nhận là ở trình độ CNTB quốc tế và toàn cầu hóa, khi CNTB không còn bị khuôn trong một quốc gia, thì mâu thuẫn cơ bản có hình thái biểu hiện mới mở rộng ra toàn cầu: *chuyển từ sự đối lập giữa tính xã hội hóa của LLSX với sự chiếm hữu tư nhân TBCN sang sự đối lập giữa tính quốc tế hóa của LLSX trên quy mô quốc tế với sự chiếm hữu tập đoàn tư bản hóa của QHSX*. Hình thái CNTB toàn cầu này dường như đủ sức bao chứa sự phát triển mạnh mẽ của LLSX và che lấp đi mâu thuẫn của CNTB. Song thực ra bản chất của sản xuất hàng hóa TBCN vẫn không thay đổi: a) QHSX tập đoàn hóa chỉ là hình thức chiếm hữu tập thể của các nhà tư bản, là sự mở rộng của sở hữu tư nhân TBCN thành liên minh sở hữu của giai cấp các nhà tư bản; b) còn sự phát triển mở rộng không gian ra toàn cầu, như đã chỉ ra, cũng đồng thời là đi tới giới hạn cuối cùng hữu hạn. Như vậy, về thực chất việc mở rộng nền sản xuất TBCN trên phạm vi toàn cầu chỉ làm sâu sắc, trầm trọng thêm các mâu thuẫn vốn nan giải của CNTB.

Nếu như trước đây, CNTB chật chội trong biên giới quốc gia, thì ngày nay nó bắt đầu chật chội trong phạm vi toàn cầu. Khắc phục giới hạn không gian vật chất này, cùng với các biện pháp "mở rộng theo chiều rộng" trên đây, CNTB đang chuyển sang sử dụng những phương thức "ưu tiên mở rộng theo chiều sâu": đẩy mạnh cải cách cơ chế điều chỉnh, cải tổ cơ cấu kinh tế và áp dụng các thành tựu của cách mạng KHCN mới, nhằm hạ giá thành sản phẩm và tăng sức mua hoặc tạo ra những công nghệ mới có thể mang lại lợi nhuận siêu ngạch. Tuy nhiên, các phương thức "mở rộng theo chiều sâu" chỉ góp phần đẩy nhanh sự phát triển cỗ xe kinh tế TBCN đến giới hạn tận cùng của nó, bởi hàng hóa TBCN được chế tạo ra ngày

càng nhiều hơn tuy với giá hạ hơn, nhưng mức tăng tiền lương thì lại không tương xứng với mức tăng khối của cải tạo ra. Mặt khác, điều đó cũng có nghĩa rằng máy móc thay thế cho lao động nhiều hơn và tỷ lệ thất nghiệp cao hơn, thậm chí mức thất nghiệp có thời kỳ lên tới 10 - 12%, cao hơn so với mức thất nghiệp tự nhiên (5-7%) vẫn được coi là hợp lý trong các nền KTTT.

Các bằng chứng là: vào thời điểm chiến tranh lạnh vừa kết thúc trong những năm (1990-1995), nền kinh tế TBCN đã phát triển đạt ranh giới "tới hạn", khi năng lực công nghiệp thế giới chỉ tăng 10% nhưng thương mại quốc tế tăng tới 43% cùng với việc nhanh chóng mở cửa các thị trường Đông Âu vốn xưa nay đóng kín thông qua cải cách theo sơ đồ "liệu pháp sốc" do IMF và Phái Trọng tiền khởi xướng*, mà vẫn không thể tiêu thụ hết các sản phẩm hàng hóa TBCN tạo ra. Vấn đề là ở chỗ: không phải vì xã hội thiếu nhu cầu, mà chủ yếu là vì sự hạn chế nhu cầu có khả năng thanh toán, nhằm bảo đảm duy trì mức lợi nhuận cao cho tư bản. Một biểu hiện khác là trong vài thập kỷ trở lại đây, những nền kinh tế lớn như Mỹ, Nhật Bản và các nước Tây Âu lâm vào trì trệ và suy thoái kéo dài. Tất cả điều trên gợi ý cho dự đoán: giả định quá trình toàn cầu hóa TBCN được thực hiện thì "sự tới hạn" là tất yếu và để giải quyết mâu thuẫn của CNTB, lần này không còn phương cách nào khác là buộc phải chuyển nền sản xuất TBCN hướng vào phục vụ cho số đông, cho toàn thể cộng đồng. Do đó, *việc giải quyết mâu thuẫn của CNTB phải là ở cấp độ thay đổi mục đích và tính chất nền kinh tế TBCN, tức chuyển quá trình sản xuất từ chỗ do tư bản khống chế sang cho xã hội; đương nhiên lợi nhuận và giá trị thặng dư cũng được tái phân phối, sử dụng trước hết vì mục tiêu lợi ích và tiến bộ xã hội, chứ không phải nhằm làm giàu cho một thiểu số các nhà tư bản.*

* Lý luận của Phái Trọng tiền (Minton Phoridmen) được coi là cha đẻ về tư tưởng cho cải cách theo sơ đồ "liệu pháp sốc".

Một trong những biểu hiện tập trung mâu thuẫn của CNTB là *tính chất mới và nghiêm trọng của các cuộc khủng hoảng đương đại*. Nếu trước đây, do những mâu thuẫn - xung đột không thể điều hòa giữa hai hệ thống, đã tạm thời làm lắng dịu những mâu thuẫn nội tại và các vấn đề nan giải của chính CNTB; thì ngày nay, trái lại, khi CNXH không còn là một đối trọng, CNTB toàn cầu đang đứng trước những thách thức phát triển không mấy dễ dàng. Có thể thống nhất với nhận định rằng: *CNTB toàn cầu, không phải với tư cách một quốc gia riêng rẽ, đang lún vào các cuộc khủng hoảng cơ cấu và khủng hoảng hệ thống sâu sắc. Điều đó đánh dấu sự khởi đầu của thời kỳ quá độ sang hệ thống kinh tế mới đòi lập về nguyên tắc với hệ thống thị trường.*

Bên cạnh *các cuộc khủng hoảng chu trình*, do những yếu tố liên quan tới chu kỳ kinh doanh tạo nên, CNTB ngày nay được bổ sung thêm bằng *các cuộc khủng hoảng cơ cấu*. Đây là khủng hoảng có nguyên nhân sâu xa trong chính hệ thống TBCN. Theo nghĩa rộng, khủng hoảng cơ cấu là bộ phận "sự tới hạn" của những yếu tố nền tảng cấu thành hệ thống, đòi hỏi phải có những cải cách căn bản hoặc những giải pháp dài hạn mang tính tổng thể. Khởi đầu từ cuộc khủng hoảng dầu lửa Trung Đông và nhu cầu tìm kiếm các nguồn dự trữ mới thay thế, tiếp đến các cuộc khủng hoảng môi trường - sinh thái do hậu quả của quá trình CNH và khai thác tài nguyên TBCN, khủng hoảng nợ kéo dài của các nước đang phát triển cũng trở thành vấn nạn của CNTB toàn cầu, xảy ra nạn thất nghiệp toàn cầu và bản cứng hóa sâu sắc. Gần đây xuất hiện *khủng hoảng tài chính - tiền tệ* phát nguồn từ châu Á, mà thực chất là khủng hoảng cơ chế vận hành và mất khả năng kiểm soát các thị trường tài chính toàn cầu.

Cuối cùng, *khủng hoảng hệ thống*, biểu hiện sự không tương dung giữa yêu cầu cao về phát triển bền vững, dân chủ hóa, tính

nhân văn sâu sắc và sự cần thiết điều tiết phi thị trường đối với nền kinh tế, đã xung đột với các quan hệ và thiết chế tư sản được xây dựng dựa trên nguyên tắc của sở hữu tư nhân TBCN và các qui luật trao đổi thị trường truyền thống. Điều đó đang đặt ra yêu cầu phải điều chỉnh và bổ sung cho cơ chế thị trường bằng *yếu tố xã hội hóa - nhân bản* nhiều hơn để thích ứng với sự phát triển hiện đại.

Sau thời đại thống trị của học thuyết J.M.Keynes, thuyết trọng cung và sự quá tự tin khả năng của nhà nước can thiệp vào kinh tế, khủng hoảng và suy thoái vẫn không tránh khỏi. Người ta buộc phải tìm lối thoát trong các giải pháp *tư nhân hóa rộng rãi, điều chỉnh cơ cấu và cải cách thể chế kinh tế*. Các nước phương Tây điều chỉnh chính sách ở tầm vĩ mô, đề xướng giảm sự can thiệp nhà nước và tăng cường các lực lượng thị trường tự do. Các nước đang phát triển chủ yếu cải cách thể chế xí nghiệp, phi quốc hữu hóa và áp dụng cơ chế kinh doanh xí nghiệp. Các nước thuộc hệ thống XHCN cũ tiến hành cải cách thị trường, tư nhân hóa rộng rãi, cơ cấu lại khu vực DNNN và nền kinh tế, đổi mới thể chế và quản lý nhà nước về kinh tế.

Cho đến trước thời đại CNTB lâm vào khủng hoảng, vẫn thống trị quan niệm cho rằng *KTTT là tất yếu và vĩnh viễn* (KTTT được đồng nghĩa với = trật tự tự nhiên). Bởi trong con mắt các nhà kinh tế học tư sản lúc đó, do hạn chế của thời đại, họ không thể hình dung ra một trật tự nào khác hơn trật tự thị trường; hơn nữa, trật tự thị trường này lại chỉ có thể là KTTT TBCN¹³. Quan niệm trên thật ấu trĩ và tỏ ra không còn phù hợp với xã hội hiện đại mang tính đặc tính mở, luôn chuyển hóa, gắn kết kinh tế - xã hội, nhạy cảm và dễ bị tổn thương hơn bao giờ hết, đặc biệt, có yêu cầu rất cao về tính nhân văn và dân chủ hóa các quá trình kinh tế. Nếu trước đây KTTT được coi

13. Xem A.Smith, Đ.Ricadô, Ph.Quenes, J.X.Min, B.Xay, L.Mantuith...

như mục đích tự thân hay cứu cánh, giống như chiếc dĩa thần để tạo ra của cải và sự giàu có cho mọi quốc gia. Trái lại, trong những điều kiện mới phi cổ điển, KTTT và tăng trưởng không phải là tất cả và cũng không luôn đồng nghĩa với phát triển.

Ví dụ: sự gia tăng cao về % GDP sẽ mất hết ý nghĩa nếu không đảm bảo công bằng, bình đẳng cho mỗi cá nhân và các dân tộc tham gia vào quá trình kinh tế - xã hội cũng như thụ hưởng thành tựu của phát triển; sự thâu tóm lợi nhuận độc quyền của một số tư bản cá biệt không phải lúc nào cũng phù hợp với mục tiêu phân vinh xã hội, ổn định chung và đảm bảo phát huy đầy đủ các tiềm năng lao động sáng tạo, sử dụng các công nghệ có hàm lượng R&D và giá trị gia tăng cao; sự điều tiết thị trường trong phân bổ các nguồn lực không phải lúc nào cũng hợp lý trên quy mô hành tinh, nhất là đối với các dự trữ hạn chế và không thể tái tạo, như là điều kiện chung của sản xuất và môi sinh của con người.

5. Bước quá độ sang xã hội hậu công nghiệp - sự phản ánh tiến trình xã hội hóa phát triển theo định hướng XHCN

Không thể phủ nhận KTTT là thành quả của văn minh, nhưng chỉ là hình thái xã hội lịch sử của tổ chức và liên hệ xã hội giữa con người, vai trò của nó cũng thay đổi theo sự phát triển của nền văn hóa vật chất - tinh thần. Trong thời kỳ tiền TBCN, các quan hệ phi thị trường - phi hàng hóa từng chiếm ưu thế, mà ở đây *sự lệ thuộc về thân thể* là tiền đề cho việc duy trì quá trình lao động: người lao động bị phụ thuộc siêu kinh tế vào nhà nước quân chủ (đối với phương Đông) hay vào các đẳng cấp thống trị chủ nô - lãnh chúa (đối với phương Tây). Tương ứng, trong xã hội chỉ tồn tại các nền kinh tế tách biệt, cùng một loại, đóng kín và tự cung tự cấp. Sản xuất phát triển theo hướng quảng canh, chậm chạp, hầu như không có thay đổi gì đáng kể trong hàng ngàn năm dưới thời cổ đại và trung cổ. Sự giàu có thể hiện trước hết ở đất đai và những điều kiện tự nhiên

phì nhiêu; các nhân tố tự nhiên giữ vai trò quyết định, nên còn có tên gọi khác: *xã hội nông nghiệp*.

Nhưng cùng với sự phát triển của công cụ sản xuất, phân công lao động và chế độ tư hữu, kinh tế hàng hóa xuất hiện và phát triển, làm xói mòn và phá vỡ những hàng rào đóng kín của kinh tế công xã, nông thôn - gia trưởng. Kinh tế hàng hóa đồng thời là biểu hiện giải phóng con người khỏi sự lệ thuộc cưỡng bức siêu kinh tế: biến người lao động thành người tự do về hai phương diện (tự do về thân thể và tự do bán sức lao động của mình). Quan hệ hàng hóa - thị trường đặc trưng cho giai đoạn *thống trị của các nhân tố kinh tế - sản xuất* trong đời sống xã hội. Sự giàu có được biểu hiện trước hết ở sự sung túc của cải vật chất dưới hình thái giá trị, tích lũy sự giàu có được biểu hiện dưới hình thái tích lũy tiền tệ - tư bản. Giai đoạn này tương ứng với xã hội công nghiệp. Hơn nữa, xét về mặt lịch sử tiến hóa, kiểu quan hệ và cơ chế thị trường là một dạng đặc biệt, thích ứng với xã hội công nghiệp - công xưởng, giai đoạn tất yếu phát triển các LLSX và xã hội hóa nền sản xuất.

* Những mâu thuẫn mới của CNTB toàn cầu đã được chính các nhà kinh tế học tư sản nhận thức một cách sâu sắc: "Kinh tế thị trường toàn cầu là do một số nhỏ những nước hoặc nhóm nước có ảnh hưởng đến sự phát triển bên trong các nước khác, điều tiết bằng việc thực hiện các chương trình sửa đổi được thảo ra trên cùng một mô hình, dưới sự hướng dẫn của các tổ chức hàng đầu(...). CNTB toàn cầu vẫn chưa an ninh và đầy mâu thuẫn. Nó tràn ngập những tội phạm kinh tế, tính dễ thay đổi về mặt tài chính, ô nhiễm môi trường và những đe dọa về xã hội như tăng trưởng chậm làm tăng thất nghiệp và nghèo đói. Đới khi những khủng hoảng đột ngột xảy ra(...). Tất cả những mối đe dọa này đột nhiên trở nên to lớn khi đụng độ toàn cầu giữa chủ nghĩa cộng sản và thế giới tự do biến mất. Chuyển đổi giới hạn về mặt thời gian và không gian ở phía Đông sẽ mở đầu cho sự chuyển đổi rộng khắp thế giới hoặc thành một sự chuyển đổi to lớn. Nhưng các nước đang chuyển đổi không biết họ muốn đi đâu. Chúng ta hiện đang ở trên cùng một con thuyền; chúng ta biết cách làm cho thuyền nổi nhưng chúng ta không biết lái nó như thế nào". Marie Lavigne. Các nền kinh tế chuyển đổi. Nxb CTQG. H. 2002, tr 346-347.

Xã hội công nghiệp có những đặc điểm nổi bật, khác với các xã hội truyền thống ở chỗ: công cụ lao động không phải thủ công mà là một tổ hợp máy móc phức tạp, sử dụng năng lượng không phải cơ bắp hay sức kéo động vật mà là các lực lượng tự nhiên đã được cải tạo - thuần hóa dưới dạng hơi nước hoặc điện năng. Đặc trưng cho nó là năng suất cao, sự tăng trưởng nhanh chóng và phát triển theo hình thức thâm canh. Nó cũng bắt buộc sự trao đổi - cân đối theo một tỷ lệ nào đó về mặt hiện vật và giá trị giữa các khu vực chủ yếu của nền sản xuất (như giữa khu vực I và II, nông nghiệp và công nghiệp, giữa sản xuất, lưu thông, phân phối - trao đổi và tiêu dùng...). Hình thức tổ chức lao động không phải là cá thể - riêng rẽ, mà là các hình thức tập thể - hiệp tác trong công xưởng để phù hợp với dây truyền công nghệ và cơ cấu máy móc phức hợp. Chế độ sở hữu điển hình là sở hữu tư nhân TBCN. Hơn nữa, sự phát triển năng động của LLSX đã giả định sự hoàn thiện tương ứng của người lao động cùng với kỹ năng, học vấn và các nhu cầu của họ (bao gồm cả các nhu cầu vật chất, tri thức - nhận thức và chính trị - xã hội). Trong giai đoạn xã hội công nghiệp, CNTB và KTTT đã đan quyện vào nhau và tạo thành động lực thúc đẩy LLSX phát triển đến cực điểm.

Tuy có vai trò lịch sử to lớn trong phát triển kinh tế, nhưng các quan hệ thị trường không phải là bắt buộc cho mọi thời đại và cho mọi giai đoạn tiến hóa xã hội. Trong sự phát triển lịch sử chung, chúng chỉ đặc trưng cho trình độ 2 trong ba nấc thang của tiến hóa. Hơn nữa, trình độ 1 - xã hội tiền công nghiệp: đã được hoàn thành và chỉ còn mang tính tàn dư, trình độ 2 - xã hội công nghiệp: đã và đang được thực hiện, trình độ 3 - xã hội hậu công nghiệp: hãy còn trong tương lai, nhưng tương lai này đã bắt đầu biểu hiện mình trong các khuynh hướng vận động cụ thể của nền kinh tế các nước phát triển nhất. Như thế, nền kinh tế thị trường chỉ là nấc thang trung gian cần thiết để nhân loại có thể chuyển lên trình độ 3 - hậu

công nghiệp, hậu thị trường. Xem kỹ hơn, ngay ở trong giai đoạn 2, sự xuất hiện các quan hệ thị trường - công nghiệp cũng không có nghĩa đồng nhất với CNTB, mà CNTB đã biết lợi dụng các quan hệ thị trường phục vụ cho mục tiêu làm giàu và sự nghiệp phát triển của mình.

Thực tiễn lịch sử và lý luận cũng cho thấy các quan hệ hàng hóa - thị trường, như là hình thức tổ chức xã hội phổ biến của những mối liên hệ kinh tế - sản xuất giữa con người, chỉ thuộc về các phương thức sản xuất vật chất (=PTSX) và nằm trong những hình thái kinh tế - xã hội nhất định (=xã hội kinh tế). Tính chất, nội dung của các quan hệ kinh tế - sản xuất này cũng phụ thuộc vào những hình thái kinh tế - xã hội hay PTSX cụ thể mà chúng tồn tại trong đó. Như vậy, nền kinh tế thị trường như là thành quả của văn minh và sự phát triển lịch sử, tuyệt nhiên không phải là sản phẩm riêng của CNTB. Theo nghĩa này, nó chỉ như "phương tiện chuyên chở" mà không phải là mục đích tự thân, tự nó không qui định con đường sẽ đi về đâu.

Hơn nữa, chính bản thân hệ thống KTTT kể từ khi ra đời đã có nhiều thay đổi, đặc biệt, nền KTTT TBCN hiện đại hay nền kinh tế hỗn hợp ngày nay khác rất xa với KTTT cổ điển đã lùi vào quá khứ. KTTT cổ điển dựa trên cơ cấu quyền tài sản phân tán và sự cạnh tranh tự do; còn KTTT hiện đại dựa trên cơ cấu quyền tài sản vừa phân tán vừa tập trung, độc quyền hóa và sự điều khiển nhà nước. Nhưng ngày nay khi KTTT phát triển đạt tới đỉnh cao ở các nước phương Tây thì đồng thời nó cũng tỏ ra không còn hoàn toàn thích hợp trong những điều kiện hậu công nghiệp hay nền kinh tế tri thức.

Biện chứng của lịch sử là: khi KTTT phát triển đến độ sung mãn và chín muồi trong hình thái KTTT TBCN toàn cầu hóa hiện đại - tức nó đã làm tròn sứ mệnh phát triển các LLSX và xã hội hóa nền sản xuất, biến thành nền sản xuất xã hội và chỉ có thể tồn tại dưới hình thái xã hội toàn cầu hóa, thì

đồng thời cũng điểm sự tới hạn của KTTT TBCN (như phân mâu thuẫn và khủng hoảng của CNTB đã chỉ ra). Thực tiễn thế giới cho thấy rằng: ngay trong lòng nền KTTT hiện đại đang tích tụ những yếu tố phủ định nó và đang chín muồi những điều kiện - tiền đề cho sự ra đời hệ thống mới: *kinh tế tri thức hay kinh tế hậu thị trường, với những nguyên tắc xã hội hóa theo định hướng XHCN (= xã hội hóa - XHCN).*

Theo quan niệm Macxit thì không nên hiểu giản đơn CNXH là chống lại hay đối lập với CNTB, bởi sẽ không có phát triển nếu không có kế thừa. KTTT và CNXH thực ra chỉ là những nấc thang tiến hóa và xã hội hóa sản xuất, giữa chúng không có những ranh giới phân cách không thể vượt qua. Thực tiễn phát triển kinh tế thế giới ngày nay đang mở ra những cơ hội và khả năng to lớn mà thời đại của C.Mác chưa thể dự báo hết. Đó là do sự phát triển bùng nổ mạnh mẽ của KHCN, đặc biệt của các công nghệ cao, có tin học và internet, đã làm thay đổi căn bản các dạng sản xuất vật chất cụ thể và kiểu tổ chức - quản lý. Ngay ở trong lòng các nước công nghiệp phát triển nhất đã xuất hiện khuynh hướng mới: sự phủ định ngày càng tăng lên đối với CNTB và xu hướng dần dần nhưng không gì cưỡng nổi, dựa trên cái cơ sở hậu công nghiệp, đang hình thành một kiểu xã hội mới không tuân theo các nguyên tắc và quy luật thông thường của KTTT. Một xã hội còn chưa có nội dung xác định, thể hiện trong tên gọi cũng chưa xác định, mà chỉ nhấn mạnh về mặt trình tự thời gian: *xã hội hậu công nghiệp hay nền kinh tế hậu thị trường.* Khác với nền kinh tế công nghiệp, *nền kinh tế hậu công nghiệp và tri thức có đặc trưng:* lấy việc sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu thụ tri thức làm chủ đạo, lấy phát triển CNTT và công nghệ cao làm hạ tầng cơ sở; lấy thị trường toàn cầu làm địa bàn hoạt động, lấy mạng lưới hóa các xí nghiệp làm phương tiện truyền tải, chu kỳ kinh tế cũng biến tướng với những thay đổi khác trước, hơn nữa, kinh tế tri

thức lấy phát triển bền vững và nhân văn làm nguyên tắc tối cao.

Như vậy, *tính quy luật chung tổng quát hay bước quá độ mang tính toàn nhân loại hiện nay là từ KTTT phát triển sẽ chuyển sang xã hội hậu công nghiệp, hậu thị trường với các nguyên tắc xã hội hóa - XHCN.* Nói cách khác: đó là tính chất XHCN của bước quá độ toàn nhân loại hiện nay cho dù những chủ thể tham gia tích cực vào quá trình này lại chủ yếu là các nước TBCN. Đây là xu hướng "diễn biến hoà bình" hay "tiến hóa tự nhiên" của CNTB để đi tới CNXH. Có thể nêu lên những đặc trưng chủ yếu của bước quá độ này ở trong các thay đổi căn bản, liên hệ tới các lĩnh vực và mối quan hệ chủ yếu nhất của toàn bộ các mặt hoạt động kinh tế, xã hội, chính trị, văn hóa và tinh thần.

Đó là cùng với sự phát triển mạnh mẽ của sản xuất và thu nhập, cơ cấu tiêu dùng xã hội cũng thay đổi: nhu cầu về vật chất sẽ nhanh chóng trở nên no đủ, con người ngày càng hướng vào lĩnh vực dịch vụ và các nhu cầu có tính tinh thần; tương ứng, cơ cấu sản xuất xã hội cũng thay đổi: bộ phận công nghiệp và các ngành chế biến giảm đi, còn các ngành dịch vụ tăng lên trong GDP, do đó, là vai trò lịch sử quyết định của lĩnh vực dịch vụ. Đây là quá trình vĩ đại và phức tạp, làm thay đổi toàn bộ các QHSX, quan hệ kinh tế và xã hội. Do đặc thù của sản xuất dịch vụ, sẽ làm tăng vai trò kinh doanh nhỏ, đặc biệt vai trò của các yếu tố thông tin, của các kiến thức lý luận, khả năng tổ chức - quản lý và ứng dụng các lý thuyết.

Trung tâm của xã hội dịch vụ và thông tin là *con người - xã hội*, được xã hội hóa, đồng thời là *con người - cá thể*, mà tri thức và tiềm năng lao động sáng tạo trong nó không thể chuyển nhượng, do đó, là sở hữu được cá thể hóa. Mỗi cá nhân sẽ tham gia vào hệ thống sản xuất xã hội như là người mang "chùm tia" các quyền sở hữu, do đó, là người chiếm hữu thực tế hay sở hữu hiện thực khối của cải xã hội. Khác với "con người kỹ trị" của nền văn minh công nghiệp, "con

người mang tính lựa chọn, sáng tạo" của nền văn minh tinh thần sẽ như một logic tất yếu, chuyển hoạt động từ lĩnh vực sản xuất vật chất sang lĩnh vực sản xuất tinh thần và lấy sự tự phát triển, tự hoàn thiện làm mục tiêu cao nhất.

Điều mà C.Mác đã dự báo ngày nay đang trở thành hiện thực, xã hội lấy phát triển con người tự do, toàn diện làm mục tiêu và thời gian tự do dành cho sự phát triển này là chỉ tiêu duy nhất của tiến bộ. Theo logic, xã hội mới tương lai sẽ phải thấm nhuần chủ nghĩa nhân đạo, dựa trên nguyên tắc tôn trọng và tin cậy giữa con người, lấy sự phát triển và hoàn thiện cá nhân làm mục tiêu. Phải chăng khái niệm *tư bản - con người* đã xuất hiện trong văn cảnh này và phản ánh yêu cầu khách quan của sự phát triển hiện đại: người lao động với tiềm năng sáng tạo - gồm tri thức, kinh nghiệm và kỹ năng không thể tách rời khỏi họ, tức được cá thể hóa và không thể chuyển nhượng, có thể sáng tạo ra những giá trị - của cải khổng lồ trong những khoảng thời gian tương đối ngắn, mà trước đây phải cần tới sự tập trung một lượng lớn sức lao động của nhiều thế hệ, thậm chí sức lao động công nhân của những nhà máy lớn. Nảy sinh mâu thuẫn: sản phẩm của thứ lao động vốn trực tiếp thuộc về xã hội, được xã hội hóa cao độ, nhưng lại bắt buộc trao đổi dưới hình thái hàng hóa, do đó, xuyên tạc và che đậy đi cái bản chất không thể mua bán được là tiềm năng lao động sáng tạo trong chính con người. Nhưng để có thể phát huy và khai thác được những tiềm năng lao động này lại đòi hỏi các quan hệ xã hội thích ứng và nhân bản, phải duy trì một môi trường chính trị - xã hội ổn định, không có mâu thuẫn và xung đột: xã hội phúc lợi và dân chủ.

Rõ ràng, trong các điều kiện quá độ sang giai đoạn hậu công nghiệp và nền kinh tế tri thức, cho thấy sự phát triển kinh tế ngày càng được phức tạp hóa và gắn kết với các quá trình xã hội, nhân văn, tổ chức, tâm lý và sinh thái theo hướng phát triển bền vững. Đồng thời ngày càng tăng lên mối liên

hệ qua lại giữa các quá trình trên cũng như tăng lên mâu thuẫn của thế giới: đó là mâu thuẫn giàu nghèo, mâu thuẫn về tính tới hạn của các nguồn dự trữ khan hiếm, tính nghiêm trọng của các khủng hoảng hạt nhân và môi trường... Chúng đang đe dọa phá vỡ sự cân bằng toàn cầu, phá vỡ trật tự xã hội công nghiệp - thị trường TBCN truyền thống.

Quá độ sang bảng hình thái mới của xã hội tự do theo định hướng XHCN

Toàn bộ tình hình trên đang làm chín muồi nhu cầu về một trật tự xã hội mới và bảng hình thái mới của khoa học kinh tế. Theo các nhà kinh tế học quá độ, *bảng hình thái cũ* đặc trưng cho xã hội công nghiệp ra đời cùng với bộ môn KT - CT của CNTB đại công nghiệp, cần và sẽ được thay thế bởi *bảng hình thái mới* với các tiêu chí khác về xã hội tương lai¹⁴. Trong đó, vai trò quyết định của hình thức sở hữu về TLSX sẽ được thay bằng sự chiếm hữu trí tuệ một cách trực tiếp và thực tế của mọi thành viên xã hội; lao động vẫn là cần thiết nhưng không đóng vai trò chỉ tiêu duy nhất cho phân phối các của cải tiêu dùng; việc quản lý nền sản xuất vật chất hiện nay sẽ được thay bằng điều khiển lưu thông các dòng thông tin - tri thức; con người sẽ chuyển từ vai trò công cụ thụ động sang chủ thể tích cực của các quá trình sáng tạo, mà sự tự phát triển - tự hoàn thiện của nó thực tế sẽ trở thành tiêu chuẩn cao nhất của tiến bộ.

Như vậy, đặc trưng của bảng hình thái mới là quá độ từ chỉ tiêu PTSX vật chất sang chỉ tiêu phương thức tự phát triển tự do và tự hoàn thiện của con người - kết luận mà chính C.Mác đã rút ra một cách logic từ bảng hình thái cũ. Nó dường như là sự tự mâu thuẫn với những cơ sở do chính ông đã nêu ra! Trong văn cảnh mới, kết luận này cần được hiểu: không phải là C.Mác tự mâu thuẫn với chính mình, cũng không có nghĩa

14. X.A.Bartenev. Các lý thuyết và trường phái tư tưởng kinh tế: Beka. M., 1996. tr 308-314.

vai trò quan trọng của các nhân tố kinh tế - sản xuất bị thủ tiêu, mà chỉ nói lên rằng sự phát triển rất cao của con người và nền văn hóa tinh thần đã cho phép tính quyết định thuộc về các nhân tố văn hóa, xã hội, tâm lý, tri thức và thông tin. Từ đây cho phép C.Mác đưa ra dự báo thiên tài về sự giải phóng cao cả dưới CNCS: *việc chấm dứt sự thống trị nô dịch của các nhân tố kinh tế - sản xuất đối với con người đồng thời cũng thủ tiêu sự thống trị nô dịch giữa con người với nhau*. Đây thực sự là cuộc giải phóng vĩ đại nhất trong lịch sử - theo cách nói của C.Mác là "sự chấm dứt thời tiền sử" và "bước nhảy từ vương quốc tất yếu sang vương quốc của tự do"!

Tuy nhiên, ngày nay nói về điều này hãy còn quá sớm. Nhưng khoa học có quyền ghé nhìn vào tương lai. Cùng với bước quá độ sang xã hội hậu công nghiệp và nền kinh tế tri thức, CNTB ngày càng rời xa và tự phủ định chính mình trong những nỗ lực xã hội hóa và định hướng xã hội. Quá trình này đang diễn ra với gia tốc ngày càng nhanh chóng, chuyển thế giới thành chính thể thống nhất, chuyển nền sản xuất TBCN thành nền sản xuất mang tính xã hội, hùng mạnh và hàng loạt lớn, một nền sản xuất mang tính nhân dân, giải định thuộc về mọi người và dành cho tất cả mọi người. Trong cơ sở của mình, nền sản xuất mới lại phát triển ưu tiên (=thâm canh) các quan hệ xã hội hóa: từ quan hệ kinh tế - sản xuất, tổ chức - quản lý, tới quan hệ sở hữu - phân phối. Đặc biệt, nhà nước TBCN ngày càng có vai trò quan trọng trong việc quản lý sự phát triển, điều khiển các quá trình kinh tế vĩ mô và phân phối các của cải - phúc lợi. Từ đây xuất hiện *nền kinh tế thị trường định hướng xã hội* - nền kinh tế có thể hạn chế đáng kể tính tự phát và bất bình đẳng vốn có của thị trường, đảm bảo điều hoà phúc lợi và phát triển các tiềm năng lao động sáng tạo.

Kinh nghiệm quá độ sang xã hội hậu công nghiệp và hình thành nền kinh tế tri thức của CNTB hiện đại đã chỉ ra:

Thứ nhất, về phương diện cơ sở vật chất - công nghệ, nền sản xuất tương lai sẽ dựa trên cơ sở công nghệ cao và các yếu tố sản xuất mới khác về nguyên tắc, mà ở đó vai trò quyết định thuộc về thông tin, tri thức và lao động sáng tạo;

Thứ hai, về phương diện sở hữu, xã hội tương lai có thể được coi là nền kinh tế hỗn hợp, gồm các chủ thể sở hữu hiện thực với các hình thức chiếm hữu thực tế khác nhau. Các hình thức chiếm hữu này được coi như cơ sở tự nhiên cho quá trình lao động, quản lý, kiểm tra và lưu thông tư bản tự do;

Thứ ba, về phương diện quản lý, điều khiển lưu thông các dòng thông tin có ý nghĩa quyết định sống còn đối với nền sản xuất tương lai. Trong đó, kết hợp hữu cơ giữa quan hệ KTTT truyền thống với các quan hệ có khả năng lựa chọn ở bên trong hăng - quan hệ hợp tác tự nguyện và điều khiển tự giác, gắn với sử dụng ưu tiên các phương pháp và hình thức quản lý phi thị trường; điều này sẽ cho phép nâng lên căn bản hiệu quả và tính tích cực công việc (như các hình thức mệnh lệnh hành chính, tín nhiệm cá nhân, đề cao kỷ luật nội bộ, đạo đức, chủ nghĩa nhân văn và tính tập thể...) ¹⁵.

Theo tinh thần dự báo của C.Mác và các nhà xã hội học tương lai, đây là bước quá độ sang trình độ 3 - xã hội tự do, đối lập với các xã hội kinh tế (hay hình thái kinh tế - xã hội). Tức đối lập với xã hội mà trong đó PTSX cùng với các quan hệ kinh tế - sản xuất, có các quan hệ sở hữu và giá trị thị trường giữ vai trò chi phối, còn con người vốn là chủ nhân của lịch sử lại bị lệ thuộc nô dịch vào các quan hệ vật chất - vật thể do mình tạo dựng. Nhưng nói về tương lai chỉ có thể là trên những nét lớn và đặc trưng chung, bởi lẽ, *thứ nhất*, chỉ là một giả thuyết khoa học mà chưa có thực tiễn kiểm nghiệm, *thứ hai*, dự báo xã hội tương lai bao giờ cũng

15. R.Koud. Hăng, thị trường và pháp luật. Nxb Nền kinh tế. M, 1993.

bắt buộc phải thông qua lăng kính và các phạm trù hiện tại. Nên chăng, ở đây chỉ tập trung sự quan tâm vào các khuynh hướng mới đang xuất hiện ngày càng tăng lên của cái mới và những yếu tố mới xuất hiện trong điều kiện của hệ thống cũ, mà rốt cuộc, sự phát triển sẽ đưa tới khẳng định và xác lập tất yếu hệ thống mới.

* * *

Như vậy, *tính quy luật chung tổng quát hay bước quá độ mang tính toàn nhân loại hiện nay là từ KTTT phát triển sẽ chuyển sang xã hội hậu công nghiệp, hậu thị trường với các nguyên tắc xã hội hóa - XHCN*. Nói cách khác: đó là tính chất XHCN của bước quá độ toàn nhân loại hiện nay cho dù những chủ thể tham gia tích cực vào quá trình này lại chủ yếu là các nước TBCN. Đây là xu hướng "diễn biến hoà bình" hay "tiến hóa tự nhiên" không gì cưỡng lại của CNTB để đi tới CNXH.

Sự trình bày trên cũng cho phép khẳng định *tính tất yếu phát triển định hướng XHCN - như là định hướng chiến lược chung, khách quan cho mọi tiến trình quá độ trong thời đại ngày nay: bước quá độ sang xã hội hậu công nghiệp - hậu thị trường trong các nước TBCN phát triển và bước quá độ sang KTTT trong điều kiện các nước XHCN cũ*. Mỗi dân tộc và các tiến trình cục bộ đều bị chi phối bởi tính quy luật chung tổng quát trên. Đặc biệt, trong bối cảnh toàn cầu hóa đang diễn ra mãnh liệt ngày nay thì sự phát triển chỉ có thể thành công nếu dân tộc, quốc gia biết hòa mình vào dòng chảy chung và hội nhập với hệ thống KTTT thế giới.

Bước quá độ sang KTTT của Việt Nam cũng không có ngoại lệ và nằm ngoài quy luật chung này. *Tức chúng ta phải thực hiện thành công "bước quá độ kép" hay*

"quá độ bậc hai": quá độ sang KTTT kết hợp đồng thời với bước quá độ sang trình độ ba - xã hội hậu công nghiệp, hậu thị trường theo định hướng XHCN. Đây vừa là thử thách nhưng cũng là triển vọng phát triển to lớn, phi cổ điển và rút ngắn mà thời đại đang tạo ra. Theo nghĩa này, KTTT định hướng XHCN của Việt Nam là sự lựa chọn mô hình phát triển khôn ngoan và sáng tạo nhằm đáp ứng các yêu cầu trên đây./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bartenev X.A. Các lý thuyết và trường phái tư tưởng kinh tế. Nxb Veka, T.Nga, M., 1997.
2. Xakx Đj. Nền kinh tế thị trường và nước Nga. T.Nga, M., Nxb Kinh tế. 1994.
3. Martin C Schnitzir. Những hệ thống kinh tế so sánh. Nxb Đại học South - Western. Tài liệu dịch Chương trình KX.01. H, 2003.
4. Hernando De Soto. Bí ẩn của vốn. Tài liệu dịch Chương trình KX.01. HN, 2003.
5. Rowan Gibson. Tư duy lại tương lai. Nxb Trẻ, HCM, 2002.
6. Ủy ban quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế. Tạp chí Cộng sản, Bộ Thương mại. Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia. Hội nhập kinh tế quốc tế - Những vấn đề lý luận và thực tiễn, H, 2004.
7. J. M. Keynes. Lý thuyết tổng quát về việc làm, lãi suất và tiền tệ. Nxb Giáo Dục, H, 1994.
8. Một CNTB mới hay những diện mạo mới của CNTB. Thông tin KHXH - Suu tập chuyên đề, H, 2002.
9. Nền kinh tế tri thức: Nhận thức và hành động, kinh nghiệm của các nước phát triển và đang phát triển - Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương tổng thuật. Nxb Thống kê, H, 2000.
10. Võ Đại Lộc. Những xu hướng phát triển của thế giới và sự lựa chọn mô hình CNH của nước ta, Nxb KHXH, 1999.
11. Đỗ Lộc Diệp (chủ biên). Chủ nghĩa tư bản ngày nay: mâu thuẫn nội tại, xu thế và triển vọng. Nxb KHXH, H, 2003.
12. Lê Bộ Lĩnh (chủ biên). Chủ nghĩa tư bản hiện đại - Khủng hoảng kinh tế và điều chỉnh. Nxb KHXH, H, 2002.
13. Gregory, Stuart. Comparative Economics Systems (fifth edition). Houghton Mifflin Company, 1995.
14. Marie Lavigne. The economics of transition (From Socialist economy to market economy).